

Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 hình thức đào tạo thường xuyên

1. THÔNG TIN CHUNG

2. **Tên đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

3. **Mã đơn vị đào tạo trong tuyển sinh:** QHL

4. **Địa chỉ các trụ sở:**

Trụ sở chính: Nhà E1, số 144, Đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

4. **Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://law.vnu.edu.vn>

5. **Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0243.7547826

6. **Địa chỉ công khai Quy chế tuyển sinh:** <http://law.vnu.edu.vn>

7. **Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường:** <https://law.vnu.edu.vn>

<https://law.vnu.edu.vn/article-Bao-cao-thuong-nien-nam-2026-40031-3580.html>

1. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026

2. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1. Đối tượng dự tuyển:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do đơn vị chức năng xác định.

- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học và đáp ứng các điều kiện dự tuyển có liên quan theo quy định hiện hành.

Người dự tuyển nêu trên phải có đủ sức khỏe để học tập, có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định và đạt ngưỡng đầu vào tương ứng với phương thức đăng ký xét tuyển.

1.2. Ngưỡng đầu vào của chương trình đào tạo:

Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 100 và phương thức 414 được thực hiện theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo

lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học; Quyết định số 955/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/03/2026 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật năm 2026 và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026 (xét tuyển)

Năm 2026, Trường Đại học Luật sử dụng 02 phương thức xét tuyển đối với chương trình đào tạo ngành Luật hình thức đào tạo thường xuyên như sau:

Phương thức	Mã phương thức	Tên phương thức (xét tuyển)
Phương thức 1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026
Phương thức 2	414	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với phỏng vấn để xét tuyển

Thí sinh đáp ứng điều kiện dự tuyển của cả hai phương thức được đăng ký xét tuyển đồng thời theo phương thức 100 và phương thức 414. Đối với mỗi phương thức, thí sinh chỉ được lựa chọn 01 tổ hợp xét tuyển. Việc xét tuyển được thực hiện theo từng phương thức thí sinh đã đăng ký và thực hiện quy đối tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN và phương án tuyển sinh của Nhà trường.

2.1. Phương thức 1 (Mã 100): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

2.1.1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Áp dụng cho thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026. Nhà trường sử dụng 06 tổ hợp xét tuyển; các môn trong tổ hợp đều tính hệ số 1:

STT	Tổ hợp	Môn thi
01	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
02	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
03	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý
04	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
05	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật
06	D66	Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh

Điểm thi theo tổ hợp (ĐTHPT) là tổng điểm 03 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển. Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 100 thực hiện theo Mục 1.2 của Thông tin tuyển sinh này.

Tổng điểm đạt được = ĐTHPT + Điểm cộng (nếu có)

Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên (nếu có)

Điểm xét tuyển được khống chế tối đa 30,00 điểm và được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau khi cộng đầy đủ điểm cộng, điểm ưu tiên theo quy định.

2.1.2. Điểm cộng theo quy định đối với phương thức 100

1. a) Điểm thưởng

- Giải Nhất HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/cử tham gia: cộng 3,00 điểm.
- Giải Nhì: cộng 2,50 điểm.
- Giải Ba: cộng 2,00 điểm.

Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển và ngành đăng ký xét tuyển phải phù hợp theo quy định.

1. b) Điểm xét thưởng

- Giải Khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế ở môn phù hợp: cộng 1,50 điểm.
- Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/cử tham gia, đề tài thuộc nhóm Khoa học xã hội và hành vi và được Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật đánh giá phù hợp: Giải Nhất cộng 1,50 điểm; Giải Nhì cộng 1,00 điểm; Giải Ba cộng 0,50 điểm.
- Thí sinh có kết quả học tập cả 03 năm THPT được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên), đồng thời đạt giải Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, kỳ thi HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN hoặc HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ở môn phù hợp: Giải Nhất cộng 1,50 điểm; Giải Nhì cộng 1,00 điểm; Giải Ba cộng 0,50 điểm.

Các môn/lĩnh vực áp dụng gồm Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp hoặc lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi phù hợp; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

1. c) Điểm khuyến khích chứng chỉ ngoại ngữ

- Chứng chỉ tương đương bậc 6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: cộng tối đa 1,50 điểm.
- Chứng chỉ tương đương bậc 5: cộng tối đa 1,25 điểm.
- Chứng chỉ tương đương bậc 4: cộng tối đa 1,00 điểm.

Chứng chỉ phải còn thời hạn sử dụng tính đến thời điểm kết thúc đăng ký/nộp hồ sơ xét tuyển (giá trị 02 năm kể từ ngày thi); chứng chỉ quốc tế phải đáp ứng yêu cầu về kỹ năng theo quy định và không sử dụng chứng chỉ thi online.

* **Tổng điểm cộng** gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích không vượt quá 3,00 điểm theo thang điểm 30. Một thành tích không được dùng đồng thời cho nhiều loại điểm cộng; trường hợp một thí sinh có nhiều mức điểm cộng cùng một thành tích thì chỉ tính mức cao nhất.

2.2. Phương thức 2 (Mã 414): Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với phỏng vấn để xét tuyển.

Áp dụng cho thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đáp ứng ngưỡng đầu vào tại Mục 1.2. Các tổ hợp áp dụng tương tự phương thức 100. Thí sinh lựa chọn 01 tổ hợp để đăng ký xét tuyển.

1. a) Kết quả học tập cấp trung học phổ thông

Sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11 và 12 của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển. Với mỗi môn, điểm dùng để xét tuyển là trung bình cộng điểm cả năm của môn đó ở lớp 10, lớp 11 và lớp 12. Ba môn trong tổ hợp được tính hệ số 1, mỗi môn chiếm trọng số 1/3 trong thành phần điểm học tập; tổ hợp xét tuyển bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn. Điểm học tập (ĐHT) bằng tổng điểm của 03 môn và được tính theo thang điểm 30.

$$\text{Điểm môn} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10} + \text{ĐTB cả năm lớp 11} + \text{ĐTB cả năm lớp 12})/3$$

$$\text{ĐHT} = \text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}$$

Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không có đủ dữ liệu học tập theo yêu cầu do thay đổi lựa chọn môn học, việc xác định môn thay thế và cách tính điểm thực hiện theo Quyết định số 955/QĐ-ĐHQGHN và hướng dẫn cụ thể của Nhà trường.

1. b) Phỏng vấn

- Phỏng vấn nhằm đánh giá mức độ phù hợp của thí sinh đối với chương trình đào tạo ngành Luật, tập trung vào: kiến thức nền tảng và hiểu biết xã hội; năng lực tư duy logic, phân tích và lập luận; kỹ năng giao tiếp, trình bày và diễn đạt quan điểm; động cơ học tập, định hướng nghề nghiệp; khả năng xử lý tình

huống và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Phỏng vấn được thực hiện theo hình thức trao đổi trực tiếp giữa thí sinh và Tiểu ban/Hội đồng phỏng vấn. Điểm phỏng vấn (ĐPV) được chấm theo thang điểm 100.

1. c) Điểm khuyến khích

Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cộng điểm khuyến khích theo các mức quy định tại điểm c Mục 2.1.2. Chứng chỉ phải còn thời hạn sử dụng và đáp ứng các điều kiện theo quy định của Trường.

1. d) Điểm xét tuyển

Kết quả học tập cấp THPT chiếm trọng số 40%; kết quả phỏng vấn chiếm trọng số 60%. Điểm cơ sở (ĐCS) được quy về thang điểm 30 theo công thức:

$$\text{ĐCS} = (\text{ĐHT} \times 0,40) + (\text{ĐPV} \times 18/100)$$

Trong đó, thành phần kết quả học tập cấp THPT đóng góp tối đa 12,00 điểm; thành phần phỏng vấn đóng góp tối đa 18,00 điểm. Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 414 thực hiện theo Mục 1.2 của Thông tin tuyển sinh này.

$$\text{Tổng điểm đạt được} = \text{ĐCS} + \text{Điểm khuyến khích (nếu có)}$$

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{Tổng điểm đạt được} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Điểm xét tuyển được khống chế tối đa 30,00 điểm và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Chính sách và cách tính điểm ưu tiên thực hiện theo Mục 7 của Thông tin tuyển sinh này.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Đối với chương trình đào tạo ngành Luật Nhà trường xác định độ lệch điểm và quy đổi tương đương theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT và ĐHQGHN, bảo đảm tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng trên cùng chuẩn đầu vào. Bảng quy đổi cụ thể (nếu có) được Nhà trường công bố công khai trước khi thực hiện xét tuyển chính thức.

4. Ngành/Chương trình và chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên

- Năm 2026, Trường Đại học Luật tuyển sinh chương trình đào tạo ngành Luật đối với hình thức đào tạo thường xuyên.

- Tổng chỉ tiêu: 297.

TT	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	CTĐT Luật (chuẩn)	7380101	Luật	297	100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026; 414 - Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với phỏng vấn	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường Đại học Luật

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển theo chương trình đào tạo phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố và không thấp hơn ngưỡng đầu vào.
- Tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét tuyển và điểm trúng tuyển đã quy đổi tương đương giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển; không phân bổ chỉ tiêu riêng theo từng phương thức.
- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, ưu tiên thí sinh có điểm cộng thấp hơn. Trường hợp vẫn không xác định được thí sinh trúng tuyển, Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định theo từng phương thức tuyển sinh.
- Điểm xét tuyển và điểm trúng tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân theo nguyên tắc làm tròn toán học.

5.2. Thời gian đào tạo toàn khóa dự kiến:

- Từ 2,5 đến 3 năm đối với người dự tuyển đã có bằng đại học; việc công nhận, chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Từ 4 đến 4,5 năm đối với người dự tuyển có bằng THPT hoặc tương đương.

5.3. Thời gian học tập: Ngoài giờ hành chính (dự kiến vào thứ Bảy, Chủ nhật).

5.4. Địa chỉ đào tạo: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà E1, số 144, Đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Kế hoạch tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh: Trường Đại học Luật thông báo kế hoạch và hướng dẫn tuyển sinh cụ thể trên website <http://law.vnu.edu.vn>.

6.2. Thời gian, địa điểm và hình thức thu nhận hồ sơ:

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo tuyển sinh đến **hết ngày 10/11/2026**. Thí sinh phải hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ.
- Thời gian xét tuyển, phỏng vấn: Dự kiến trước ngày 16/11/2026.
- Thời gian công bố kết quả: Dự kiến trước ngày 30/11/2026.
- Thời gian nhập học: Dự kiến ngày 05/12/2026.
- Hình thức nộp hồ sơ, địa chỉ tiếp nhận và thành phần hồ sơ cụ thể thực hiện theo Hướng dẫn/Thông báo tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026 của Trường Đại học Luật.

7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Nhà trường áp dụng chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành, đối với ưu tiên khu vực, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp, áp dụng thống nhất đối với các phương thức tuyển sinh sau khi quy đổi về thang điểm 30.

1. a) Ưu tiên theo khu vực

- KV1: 0,75 điểm; KV2-NT: 0,50 điểm; KV2: 0,25 điểm; KV3: 0 điểm.
- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

1. b) Ưu tiên theo đối tượng chính sách

- Nhóm UT1 (đối tượng 01 đến 03): 2,00 điểm; nhóm UT2 (đối tượng 04 đến 06): 1,00 điểm.
- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

1. c) Công thức tính điểm ưu tiên

Đối với thí sinh có Tổng điểm đạt được từ 22,50 trở lên (quy về thang điểm 30), điểm ưu tiên được xác định theo công thức:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

- Đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức 100: dự kiến 200.000 đồng/thí sinh.
- Đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức 414: dự kiến 400.000 đồng/thí sinh.

Trường hợp thí sinh đăng ký đồng thời cả hai phương thức, mức thu dịch vụ tuyển sinh được tính theo từng phương thức đăng ký.

Phương thức nộp và thông tin tài khoản (nếu nộp chuyển khoản) được Nhà trường công bố trong Thông báo tuyển sinh chính thức. Thí sinh lưu minh chứng nộp phí để đối chiếu khi cần thiết.

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Nhà trường cam kết thực hiện giải quyết khiếu nại theo quy định; bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh.

10. Học phí dự kiến đối với khóa tuyển sinh đào tạo thường xuyên năm 2026

STT	NỘI DUNG	MỨC HỌC PHÍ ĐỒNG/THÁNG	MỨC HỌC PHÍ ĐỒNG/NĂM	TỔNG HỌC PHÍ TOÀN KHÓA	GHI CHÚ
	I. Tổng học phí toàn khóa 3 năm			151.084.950	Mức dự kiến thu (Lộ trình được duyệt ngày 18/03/2024)
1	NĂM HỌC 2026-2027	4.564.500	45.645.000		
2	NĂM HỌC 2027-2028	5.020.950	50.209.500		
3	NĂM HỌC 2028-2029	5.523.045	55.230.450		
	II. Tổng học phí toàn khóa 4 năm			211.838.445	
4	NĂM HỌC 2029-2030	6.075.350	60.753.495		

Mức học phí nêu trên là mức dự kiến theo lộ trình đã được phê duyệt; mức thu thực tế thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và thông báo của Nhà trường tại thời điểm thu.

11. Thông tin liên hệ và tư vấn tuyển sinh

- Tên đơn vị: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Địa chỉ: Phòng 104, Nhà E1, số 144, Đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ: 02437.547.826 (liên hệ trong giờ hành chính) hoặc 0985.808.008 (Cô Nguyễn Hương).
- Website: <http://law.vnu.edu.vn>.
- Fanpage: <https://www.facebook.com/SchoolOfLaw.Vnu/>.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại
1	TS. Nguyễn Thị Lan	Trưởng phòng ĐT&CTCTHSSV	0243.754.7826
2	TS. Trần Thị Hoàng Lan	P. Trưởng phòng ĐT&CTCTHSSV	0243.754.7826
3	TS. Nguyễn Sơn	Chuyên viên phòng ĐT&CTHSSV	0243.754.7826
4	ThS. Nguyễn Hà Lan Hương	Chuyên viên phòng ĐT&CTHSSV	0243.754.7826